

Bản án số: **200/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/4/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuất
2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Nguyễn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Hoài P, sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: thôn T, xã L, huyện T, Hà Nội

Bị đơn: anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

HKTT: xã T, huyện K, Hải Dương

Chỗ ở: thôn T, xã L, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Phạm Thị Hoài P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2013 tại UBND xã T, huyện K, Hải Dương. Thời gian đầu, anh T thường xuyên đi công tác xa nhà, công việc không ổn định, một mình Chị P phải chăm con, nuôi con. Sau khi kết hôn, anh chị thuê

trợ ở quanh khu vực T, đến khoảng năm 2020, anh chị xây nhà xong và ở tại thôn T, xã L, huyện T, Hà Nội. Anh T không đi công tác nữa và chuyển hẳn về L sinh sống. Khi đó, hai vợ chồng mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau để khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không được. Nay Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên Chị P xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Khánh C, sinh ngày 13/7/2015. Ly hôn, Chị P xin nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị P rút yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Nguyễn Thành T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh T xác nhận Chị P trình bày về quá trình anh chị kết hôn, chung sống là đúng sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, Chị P là người có chí tiến thủ và tham vọng trong công việc, luôn bận rộn công việc và ít chăm lo gia đình nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị P luôn mong muốn cuộc sống đầy đủ về vật chất, tiền bạc và kỳ vọng quá cao về người chồng, nhưng anh T chỉ là công nhân xây dựng, thu nhập có hạn nên không đáp ứng được. Chị P hay ghen tuông mù quáng, anh T đã giải thích nhiều lần nhưng chị P vẫn không tin tưởng. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị P có lời nói xúc phạm đến gia đình anh nên trong lúc nóng giận, anh đã đánh chị P. Sau đó anh đã xin lỗi chị P và hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Đến tháng 8/2022, anh có nhắn tin với những người phụ nữ không quen biết trên mạng để giải trí, thì bị chị P kiểm tra điện thoại và phát hiện nên đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ vì muốn các con có đủ cả bố cả mẹ nhưng bản thân anh không còn cách nào nữa để thuyết phục chị P rút đơn. Nay chị P vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh T đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh T xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị P trình bày. Ly hôn, anh T đồng ý để Chị P nuôi con và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh T xin được tự thỏa thuận về tài sản chung, anh T đề nghị Tòa án cho anh chỉ thời gian thỏa thuận về tài sản chậm nhất là ngày 28/2/2023. Sau đó anh T không đến tòa và không trình bày gì thêm về tài sản.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài P, Chị P được ly hôn anh Nguyễn Thành T; Về con chung: Giao con chung cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Về án phí: Chị P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Hoài P đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Thành T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Thành T có đăng ký tạm trú tại xã Liên Ninh, huyện T, Hà Nội, thời gian tạm trú đến ngày 23/6/2023 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố

Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hoài P và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2013 tại UBND xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, Hải Dương. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2022 đến nay. Nay Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T. Anh T đã cố gắng thuyết phục Chị P rút đơn nhưng không được và không còn biện pháp nào khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh T cũng đồng ý ly hôn với Chị P do Chị P ít chăm lo gia đình, luôn đòi hỏi cuộc sống vật chất quá khả năng của anh và hay ghen tuông mù quáng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định Chị P và anh T có mâu thuẫn về tình cảm, hai bên không sống cùng nhà với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị P và anh T mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị P được ly hôn anh T.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Hoài P và anh Nguyễn Thành T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Khánh Chi, sinh ngày 13/7/2015. Sau ly hôn, Chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Mặc dù anh T vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có lời khai trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý về việc giao con cho Chị P nuôi và cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Cháu Chi có nguyện vọng xin được ở với Chị P nếu anh chị ly hôn.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, có xét đến nguyện vọng của anh chị, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị P là phù hợp với quy định của pháp luật và lời khai của các đương sự, do đó, Hội đồng xét xử xác định anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Chi 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu Chi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Ngày 14/02/2023, Chị P đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Anh T xin được tự thỏa thuận về tài sản, sau đó anh T vắng mặt và không tiếp tục tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc chia tài sản chung và dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài P. Chị Phạm Thị Hoài P được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phạm Thị Hoài P và anh Nguyễn Thành T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Khánh C, sinh ngày 13/7/2015. Sau ly hôn, giao con chung cho chị Phạm Thị Hoài P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc chia tài sản chung vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Hoài P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 63281 ngày 22/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Trả lại chị P số tiền 3.450.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng